

CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC VIỆN CÀ PHÊ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC VIỆN CÀ PHÊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: COFFEE ACADEMY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109777002

3. Ngày thành lập: 14/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942076888

Fax:

Email: Hocviencape@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây xát và sản xuất bột thô	1061
2.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
3.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
4.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
5.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
6.	Sản xuất chè	1076
7.	Sản xuất cà phê	1077
8.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
9.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
10.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
11.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
12.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
13.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
14.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
15.	Sản xuất giày, dép	1520
16.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
17.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
18.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
19.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
20.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
21.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816

22.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
23.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
24.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
25.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
26.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
27.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
28.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
29.	Xây dựng nhà để ở	4101
30.	Xây dựng nhà không để ở	4102
31.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
32.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
33.	Xây dựng công trình điện	4221
34.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
35.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
36.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37.	Xây dựng công trình thủy	4291
38.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
39.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ nổ mìn)	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
49.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
50.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Bán buôn đồ uống	4633
54.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
57.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
60.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; -Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); -Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; -Bán buôn cao su; -Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; -Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; -Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; -Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
61.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
63.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
64.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
65.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
66.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
67.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
68.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
69.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
70.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
71.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
72.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
73.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: -Vận tải hành khách theo tuyến cố định; - Vận tải hành khách theo hợp đồng không theo tuyến cố định	4932
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
75.	Vận tải đường ống	4940
76.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
77.	Bốc xếp hàng hóa	5224

78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
79.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; -Dạy pha chế	8559(Chính)
80.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
81.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
82.	Quảng cáo	7310
83.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
84.	Đại lý du lịch	7911
85.	Điều hành tua du lịch	7912
86.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
87.	Dịch vụ đóng gói	8292
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
89.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
90.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
91.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
92.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
93.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
94.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
95.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: -Tư vấn bất động sản;-Môi giới bất động sản; -Sàn giao dịch bất động sản	6820

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ KHÁNH NGỌC	Thôn An Thượng, Xã Thượng Vực, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	51.000	510.000.000	17,000	112075427	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	51.000	510.000.000	17,000		
2	LÊ THANH TÙNG	Số 542 đường Nguyễn Văn Linh, Xã Trung Vương, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	54.000	540.000.000	18,000	132448053	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	54.000	540.000.000	18,000		

3	NGUYỄN ANH TUẤN	Thôn Cây Quân, Xã Mỹ Bằng, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	21.000	210.000.000	7,000	070987677
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	21.000	210.000.000	7,000	
4	NGUYỄN ANH DƯƠNG	Số 957 đường Hùng Vương, Phường Thọ Sơn, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	174.000	1.740.000.000	58,000	131267387
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	174.000	1.740.000.000	58,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THANH TÙNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/02/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *132448053*

Ngày cấp: *23/09/2017*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Phú Thọ*

Địa chỉ thường trú: *Số 542 đường Nguyễn Văn Linh, Xã Trung Vương, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 542 đường Nguyễn Văn Linh, Xã Trung Vương, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội